

Chương 7

cuu duong than cong. com

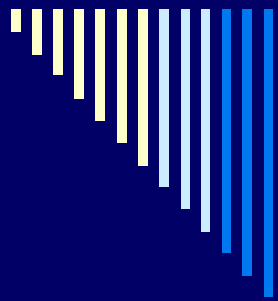
Thương mại quốc tế và phát triển

cuu duong than cong. com



Khái niệm thương mại

- Theo nghĩa rộng, thương mại là toàn bộ hoạt động kinh doanh trên thị trường. TM đồng nghĩa với kinh doanh: các hoạt động kinh tế nhằm mục tiêu sinh lợi của các chủ thể kinh doanh trên thị trường
- Theo nghĩa hẹp: TM là quá trình mua bán hàng hoá và dịch vụ trên thị trường (phân phối và lưu thông hàng hoá, dịch vụ)
- Thị trường là điều kiện cần và đủ để hoạt động thương mại

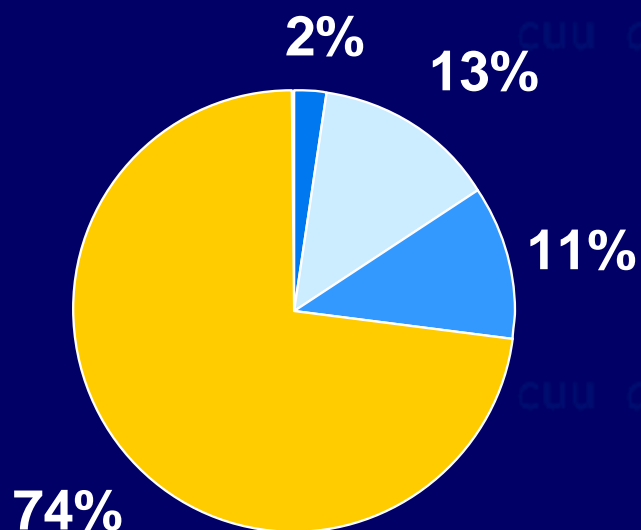


Vai trò của thương mại đối với phát triển

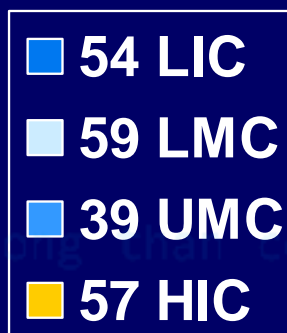
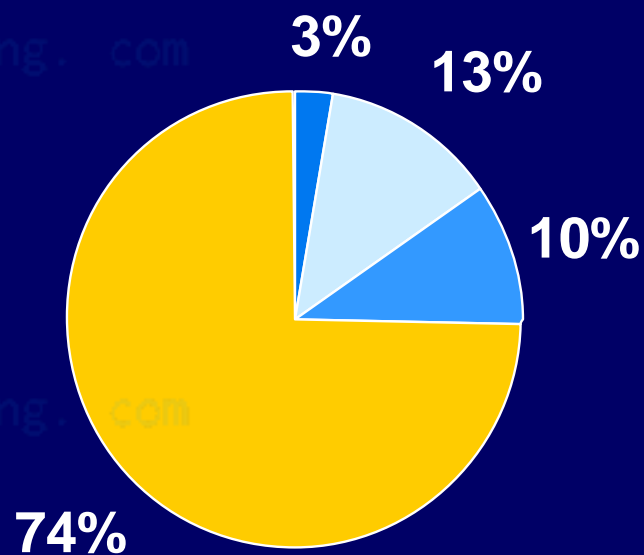
- ❑ Là điều kiện để thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển
- ❑ Là mắt xích quan trọng của quá trình tái sản xuất xã hội: sản xuất – phân phối – trao đổi (lưu thông) – tiêu dùng – sản xuất
- ❑ Cung cấp thông tin hai chiều giữa người sản xuất và người tiêu dùng
- ❑ Thúc đẩy quá trình chuyên môn hoá sản xuất, tăng tính kinh tế theo quy mô, thúc đẩy cạnh tranh
- ❑ Tăng cơ hội lựa chọn hàng hoá cho người tiêu dùng
- ❑ Tăng khả năng tiêu dùng

Quy mô thương mại quốc tế

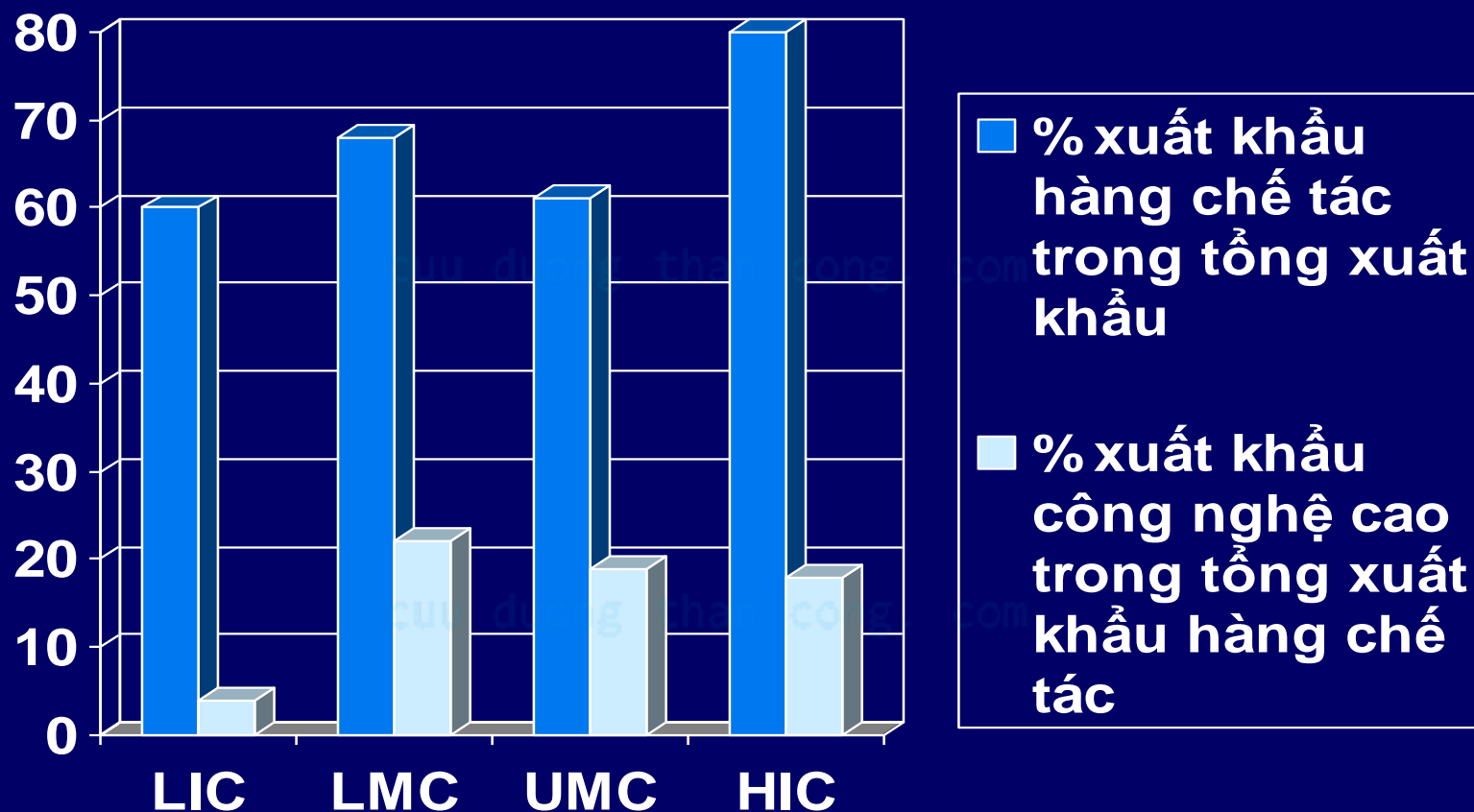
Xuất khẩu

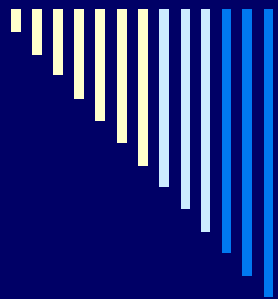


Nhập khẩu



Tỉ trọng xuất khẩu hàng chế tác trong tổng xuất khẩu hàng hoá

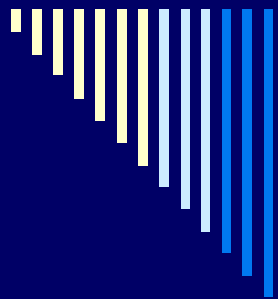




Các lý thuyết ủng hộ thương mại quốc tế

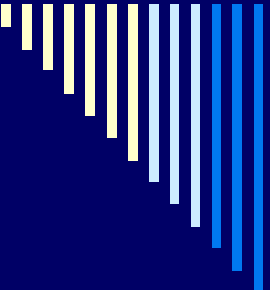
- Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smith
- Lý thuyết lợi thế tương đối của D. Ricardo
- Lý thuyết dư thừa nhân tố H-O của E. Heckshe & B. Ohlin

cuu duong than cong . com



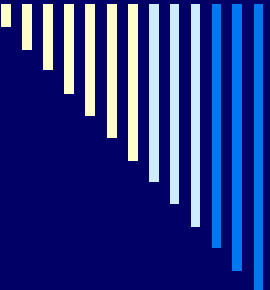
Hạn chế của các lý thuyết thương mại cổ điển

- Thương mại hoàn toàn tự do
- Nhu cầu hay thị hiếu không đổi giữa các quốc gia và theo thời gian
- Chi phí sản xuất không đổi trên mỗi đơn vị sản phẩm
 - Tỷ lệ lao động/vốn là cố định
 - Lao động thuần nhất
 - Không có hiện tượng hiệu suất cận biên giảm dần



Hạn chế của các lý thuyết thương mại cổ điển (tt)

- ❑ Không tính đến các chi phí vận chuyển, quảng cáo, ...
- ❑ Không có sự thay đổi công nghệ
- ❑ Nguồn lực trong nước là cố định cả về số lượng và chất lượng, không có sự di chuyển các nhân tố sản xuất giữa các nước
- ❑ Các nhân tố sản xuất hoàn toàn cơ động, luôn có thể điều chỉnh cơ cấu kinh tế
- ❑ Cạnh tranh hoàn hảo



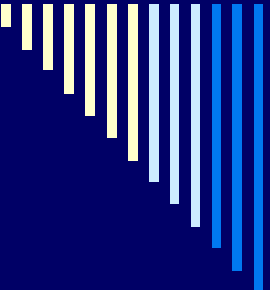
Vai trò của thương mại quốc tế đối với phát triển

□ Kích thích tăng trưởng kinh tế

- Mở rộng giới hạn khả năng sản xuất, khả năng tiêu dùng, tăng sản lượng chung của thế giới
- Giúp các nước tiếp cận các nguồn lực khan hiếm
- Tiếp cận thị trường rộng lớn của thế giới
- Tăng thêm lợi ích theo quy mô
- Tăng khả năng sản xuất

□ Thúc đẩy phân phối lợi nhuận công bằng

- Làm tăng thu nhập thực tế do việc sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực
- Tăng tiền lương tương đối ở những nước dư thừa lao động
- Giảm tiền lương tương đối ở những nước khan hiếm lao động



Vai trò của thương mại quốc tế đối với phát triển (tt)

- ❑ Thúc đẩy các khu vực, các ngành sản xuất hiệu quả trong nền kinh tế
- ❑ Tối đa hoá lợi ích của các quốc gia
- ❑ Kích thích sự phát triển của lực lượng sản xuất thông qua cạnh tranh
- ❑ Làm tăng nguồn vốn trong nước nhờ đẩy nhanh quá trình tích lũy
- ❑ Thúc đẩy phát triển công nghệ
- ❑ Tạo ra công ăn việc làm, thông qua
 - Việc làm trong ngành thương mại
 - Hiệu ứng lan toả



Hạn chế của thương mại quốc tế

- ❑ Một tỉ lệ lớn thu nhập từ xuất khẩu thuộc về người nước ngoài
- ❑ Lợi ích của thương mại quốc tế được chia nhiều hơn cho nước giàu; người giàu
- ❑ Các nước đang phát triển cần phải dành được những ưu đãi thương mại, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn khan hiếm thì mới đạt được mục tiêu phát triển từ thương mại quốc tế
- ❑ Các nước đang phát triển bị động trong việc quyết định khối lượng và giá cả trong buôn bán quốc tế



Cán cân thanh toán quốc tế

□ Tài khoản vãng lai

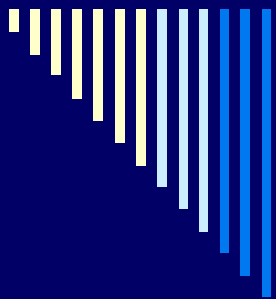
- Chi: nhập khẩu, du lịch ra nước ngoài, chuyển thu nhập của đầu tư nước ngoài, trả lãi nợ nước ngoài, các khoản chuyển tiền ra của người nước ngoài
- Thu: xuất khẩu, du lịch nước ngoài đến, thu nhập từ đầu tư ra nước ngoài, tiền chuyển về của kiều dân, các khoản trợ giúp của nước ngoài

□ Tài khoản vốn

- Chi: đầu tư ra nước ngoài, trả gốc nợ nước ngoài dài hạn, các khoản cho vay dài hạn, vốn của dân cư chảy ra nước ngoài
- Thu: đầu tư trực tiếp của nước ngoài, vay dài hạn, viện trợ không hoàn lại

□ Điều chỉnh

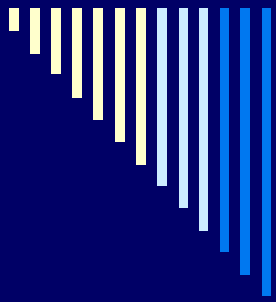
□ Kết toán chính thức



Khủng hoảng nợ nước ngoài

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com



Thương mại không trở thành động lực cho phát triển

❑ Trường hợp Ghana

[cua duong than cong. com](http://cua-duong-than-cong.com)

❑ Bệnh Hà Lan

[cua duong than cong. com](http://cua-duong-than-cong.com)



Trường hợp Ghana

Năm	1957	1978	1983
GNI/người (USD)	500	400	310

- ❑ Xuất khẩu độc canh: cacao, chiếm 60% tổng thu nhập từ xuất khẩu, 20% GDP
- ❑ Những năm 60, Ghana mở rộng xuất khẩu cacao để nhập khẩu hàng công nghiệp, chuyển sang chiến lược đầu tư vào các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu
- ❑ Giá cacao giảm → xuất khẩu giảm → dự trữ ngoại hối giảm → nợ nước ngoài → Suy thoái kinh tế



Căn bệnh Hà Lan

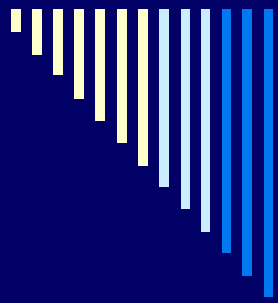
- ❑ Trước những năm 70, Hà Lan có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (6%), lạm phát thấp (dưới 3%), thất nghiệp thấp (1%), nhờ: xuất khẩu mở rộng, trong đó sản phẩm nông nghiệp chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu
- ❑ 1973-1978: tập trung vào xuất khẩu khí đốt
 - Tăng cung ngoại tệ → tỉ giá hối đoái tăng
 - Thu nhập tăng → cầu của các mặt hàng phi TM tăng → giá tăng
 - Sức cạnh tranh của các SP xuất khẩu truyền thống giảm
 - Lạm phát tăng (10% năm 1975), thất nghiệp tăng
 - Tăng trưởng GDP giảm còn 1-2% vào cuối những năm 70



Các chính sách thương mại

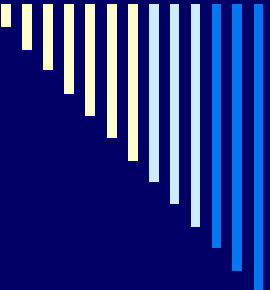
□ Xuất khẩu hàng sơ chế

- Canada cuối TK 19: lúa mì
- Anh cuối TK 18: vải
- Mỹ đầu TK 19: bông
- Đan Mạch nửa cuối TK 19: sữa
- Malaysia đầu TK 20: cao su
- Ghana đầu TK 20: cacao
- Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông những năm 60: vải
- ...



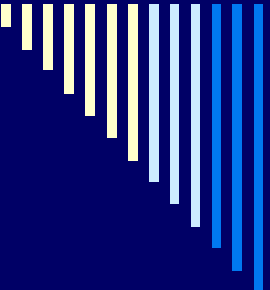
Lợi ích của xuất khẩu hàng sơ chế

- Sử dụng có hiệu quả hơn các yếu tố sẵn có
- Tạo ra các yếu tố phát triển theo chiều rộng: thu hút ĐTNN, mở rộng thị trường, việc làm
- Tác động của các mối liên hệ trong chuỗi sản phẩm
- Hiệu ứng thu nhập
- Tác động kinh tế ngoại ứng
- Tăng thu thuế



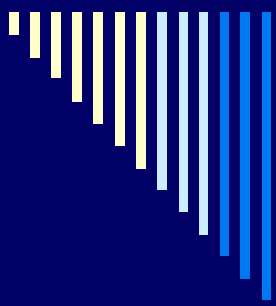
Hạn chế của chuyên môn hoá xuất khẩu hàng sơ chế

- ❑ Lợi thế tương đối về sản xuất hàng sơ chế có thể nhanh chóng thay đổi do sự phát triển của công nghệ
- ❑ Điều kiện thương mại bất lợi
- ❑ Thiên về sản xuất nguyên liệu, sản phẩm thô tạo ra nền kinh tế có cấu trúc nặng nề, khó chuyển hoá cơ cấu hướng tới nền kinh tế đa dạng và có khả năng tự chủ



Hạn chế của chuyên môn hoá xuất khẩu hàng sơ chế (tt)

- ❑ Nhu cầu về hàng xuất khẩu tăng chậm và tỉ giá hối đoái bất lợi gây ra tình trạng thâm hụt cán cân thương mại kinh niên → thâm hụt cán cân thanh toán + nợ nước ngoài
- ❑ Cạnh tranh bất lợi so với các nước phát triển
- ❑ Giá hàng xuất khẩu dễ biến động lớn → biến động lớn trong thu nhập từ xuất khẩu



Giải pháp cho các quốc gia chuyên môn hoá xuất khẩu hàng sơ chế

- Đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu
- Thành lập hiệp hội, carten
- Lập kho đệm

cuu duong than cong. com



Chiến lược thay thế nhập khẩu

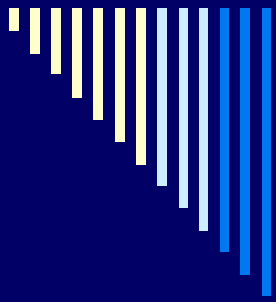
- Giai đoạn 1: Sản xuất hàng tiêu dùng đơn giản
- Giai đoạn 2: Sản xuất hàng CN tinh vi hơn
- Lợi ích:
 - Cải thiện việc làm
 - Cải thiện cán cân thanh toán
 - Giảm bớt sự kém ổn định trong nước
 - Tiếp nhận công nghệ
 - Khuyến khích các ngành công nghiệp non trẻ



Chiến lược thay thế nhập khẩu

□ Hạn chế

- Người hưởng lợi chủ yếu là công ty nước ngoài hoạt động trong nước
- Không làm giảm khối lượng nhập khẩu mà chỉ thay đổi cơ cấu nhập khẩu
- Có thể làm trầm trọng thêm cán cân thanh toán
- Ảnh hưởng xuất khẩu sản phẩm sơ chế truyền thống do tỉ giá hối đoái bị đẩy cao
- Tăng bảo hộ cho các ngành công nghiệp non trẻ và kém hiệu quả
- Có thể làm tăng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập



Chiến lược hướng về xuất khẩu

□ Hai giai đoạn

- Giai đoạn 1: Xuất khẩu hàng sử dụng nhiều lao động, ít vốn, kỹ thuật trung bình
- Giai đoạn 2: Xuất khẩu hàng hoá có hàm lượng kỹ thuật cao hơn

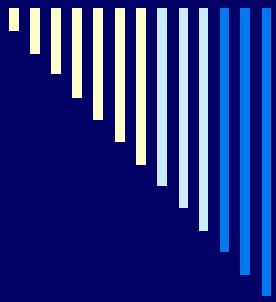
cuu duong than cong . com



Chiến lược hướng về xuất khẩu

□ Lợi ích

- Đòi hỏi các nhà sản xuất trong nước nâng cao khả năng cạnh tranh
- Mở rộng thị trường
- Có được lợi thế kinh tế theo quy mô
- Tăng thu ngoại tệ để mở rộng nhập khẩu
- Cải thiện cán cân thanh toán quốc tế



Chiến lược hướng về xuất khẩu

- ❑ Đòi hỏi thời gian để phát triển năng lực của nhà sản xuất trong nước
- ❑ Chủ yếu là do các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện
- ❑ Gặp rào cản từ chính sách bảo hộ mới của các nước phát triển

cuduongthancong.com



Các chính sách tỉ giá hối đoái

□ Định giá cao đồng nội tệ

- + Khuyến khích nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng hoá trung gian
- Khuyến khích nhập khẩu hàng tiêu dùng
- Hạn chế xuất khẩu

□ Tỉ giá hối đoái kép

- + Hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng xa xỉ
- + Khuyến khích nhập khẩu tư liệu sản xuất
- Dễ sinh ra tham nhũng, làm méo mó giá cả
- Mua bán ngoại tệ để ăn chênh lệch giữa hai thị trường



Các chính sách tỉ giá hối đoái

□ Phá giá đồng nội tệ

- + Khuyến khích xuất khẩu
- + Hạn chế nhập khẩu
- + Cải thiện môi trường đầu tư
- + Cải thiện cán cân thanh toán vãng lai
- Giá hàng nhập khẩu tăng → giá tiêu dùng tăng → lao động đòi tăng lương → lạm phát
- Những người không tham gia trực tiếp vào các hoạt động xuất khẩu bị thiệt do giá tiêu dùng trong nước tăng



Các chính sách tỉ giá hối đoái

- Tỉ giá hối đoái dao động tự do có điều chỉnh
 - + Tỉ giá dao động sát với cung cầu ngoại hối
- Tỉ giá hối đoái cố định